TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2017/HNGĐ-ST
Ngày 15-8-2017.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Vương Văn Mum;
Bà Dương Thị Mỹ Liên.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 496/2016/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2016, về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đặng Ngọc H, sinh năm 1985; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp LT, xã LH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; tạm trú tại: Ấp 3, xã SD, huyện TC, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Trần Đình B, sinh năm 1981; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp LT, xã LH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; tạm trú tại: Ấp LH, xã LH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Võ Văn V, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Ấp AK, xã ATT, huyện CG, tỉnh Tiền Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 8 năm 2016 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Đặng Ngọc H trình bày:

Chị và anh Trần Đình B chung sống với nhau vào năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LH vào năm

2005. Sau khi cưới, vợ chồng xây nhà ở riêng trên đất thuê. Thời gian sống chung, vợ chồng làm nghề buôn bán hàng bông. Vợ chồng sống chung khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cải vả. Do đó, vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Từ khi sống ly thân, vợ chồng không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Kim N, sinh ngày 11/9/2005, hiện đang sống với anh B.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung:

- Khi vợ chồng buôn bán ớt, do thua lỗ nên còn nợ những người sau đây: Bà Mai Ngọc C ngụ tại ấp LT, xã LH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh số tiền 40.000.000 đồng; bà Cao Hồng P ngụ tại ấp GT, xã GL, huyện TB, tỉnh Tây Ninh số tiền 35.000.000 đồng; bà Trần Thị T ngụ tại ấp LC, xã LV, huyện CT, tỉnh Tây Ninh số tiền 200.000.000 đồng; bà Phạm Thị G ngụ tại ấp LT, xã LG, huyện CT, tỉnh Tây Ninh số tiền 107.000.000 đồng; ông Trương Văn L ngụ tại ấp LC, xã LH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh số tiền 40.000.000 đồng; ông Lê Minh P ngụ tại ấp LC, xã LH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh số tiền 20.000.000 đồng; bà Lê Thị N ngụ tại ấp TC, xã ĐT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh số tiền 346.000.000 đồng và 15,5 cây vàng; bà Nguyễn Kim L ngụ tại ấp LC, xã LH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh số tiền 12.200.000 đồng; ông Võ Văn V ngụ tại ấp AK, xã ATT, huyện CG, tỉnh Tiền Giang số tiền 40.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn T ngụ tại ấp LH, xã LH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh số tiền 50.000.000 đồng; ông Trương Hoàng P ngụ tại ấp LT, xã LH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh số tiền 25.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Đ ngụ tại ấp LH, xã LH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh số tiền 450.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn K ngụ tại ấp LH, xã LH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh số tiền 275.000.000 đồng; bà Ngô Kim Dung ngụ tại ấp LT, xã LH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh số tiền 17.500.000 đồng; bà Đinh Thị T ngụ tại ấp SC, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh số tiền 367.000.000 đồng.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh B; yêu cầu được nuôi cháu N và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị nhận trả cho ông V số tiền 20.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Đình B trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của vợ anh là đúng về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do vào năm 2010, vợ chồng làm ăn thất bại nên dẫn đến thường xuyên cải vả nhau. Sau đó, anh có hành vi phạm pháp phải đi chấp hành án nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2011. Khi chấp hành án xong, vợ chồng không hàn gắn hạnh phúc nên tiếp tục ly thân cho đến nay.

Nay anh đồng ý ly hôn với chị H; yêu cầu tiếp tục nuôi cháu N và không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Anh nhận trả cho ông V số tiền 20.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn V trình bày:

Vào năm 2005, ông và vợ chồng chị H, anh B có mối quan hệ làm ăn mua bán ớt với nhau. Trong thời gian mua bán, vợ chồng chị H, anh B còn nợ số tiền 40.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu vợ chồng chị H, anh B trả cho ông số tiền 40.00.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55, 81, 82, 27 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh B.

Về con chung: Giao cháu N cho anh B tiếp tục nuôi, ghi nhận anh B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: Chị H và anh B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông V số tiền 40.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn V có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông V là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2005. Trong thời gian sống chung giữa chị H và anh B phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cải vả nhau. Vợ chồng tự sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh B đồng ý. Xét thấy việc tự nguyện ly hôn giữa chị H và anh B hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh B là phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Kim N, sinh ngày 11/9/2005, hiện sống với anh B. Chị H, anh B đều có yêu cầu nuôi cháu N. Qua hỏi ý kiến cháu N có nguyện vọng sống cùng cha mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh của chị H, anh B để xem xét. Xét hoàn cảnh chị H hiện nay

đang làm công nhân và đang sống chung nhà cha mẹ ruột tại huyện DMC, tỉnh Tây Ninh. Anh B đã nuôi dưỡng cháu Ngân 01 năm nay, từ khi nuôi con, anh B đã làm tròn trách nhiệm, chăm sóc cho cháu chu đáo và chị H cũng thừa nhận việc này. Ngoài ra, cháu N đã đăng ký nhập học tại Trường trung học cơ sở LH, huyện TB nên để đảm bảo ổn định việc học và tâm sinh lý của cháu N cần giao cháu N cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận anh B không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

[5] Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung:

- Đối với nợ của bà Mai Ngọc C, bà Trần Thị T, bà Phạm Thị G, ông Trương Văn L, ông Lê Minh P, bà Nguyễn Kim L, ông Trương Hoàng P, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn K, bà Ngô Kim D, bà Đinh Thị T do không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Đối với nợ của bà Cao Hồng P, bà Lê Thị N, ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu chị H, anh B trả nợ nhưng không nộp tiền tạm ứng án phí, do đó, Tòa án ra Thông báo trả lại đơn khởi kiện cho bà N, bà P và ông T.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của ông V yêu cầu vợ chồng chị H, anh B trả số tiền nợ 40.000.000 đồng. Chị H và anh B xác nhận có nợ ông V số tiền 40.000.000 đồng và đồng ý trả. Do đó, căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V. Chị H và anh B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông V số tiền 40.000.000 đồng; trong đó, chị H có nghĩa vụ trả cho ông V số tiền 20.000.000 đồng, anh B có nghĩa vụ trả cho ông V số tiền 20.000.000 đồng.

[6] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Toà án thì chị H phải chịu 200.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Toà án thì:

Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 20.000.000 đồng x 5% = 1.000.000 đồng.

Anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 20.000.000 đồng x 5% = 1.000.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, 27, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, khoản 2, 8 Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Toà án; Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Ngọc H và anh Trần Đình B.

2. Về con chung: Anh Trần Đình B được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là cháu Trần Thị Kim N, sinh ngày 11/9/2005.

3. Ghi nhận anh B không yêu cầu cấp dưỡng.

4. Chị H được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

5. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn V tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản đối với chị Đặng Ngọc H, anh Trần Đình B.

- Chị Đặng Ngọc H và anh Trần Đình B có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Võ Văn V số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng; trong đó, chị H có nghĩa vụ trả cho ông V số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, anh B có nghĩa vụ trả cho ông V số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

7. Ghi nhận ông V không yêu cầu lãi suất.

8. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

9. Về án phí:

- Chị Đặng Ngọc H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hôn nH gia đình sơ thẩm và 1.000.000 (một triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 200.000 đồng theo Biên lai số 0007296 ngày 03/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị H còn phải nộp số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng án phí.

- Anh Trần Đình B phải chịu 1.000.000 (một triệu) đồng đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Võ Văn V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông V số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008710 ngày 18/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng.

10. Báo cho chị H, anh B biết, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông V vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

11. Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TA Tây Ninh;
- VKSND H.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H.Trảng Bàng;
- UBND xã Lộc Hưng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm